

Số: 258/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 2, ngày 03 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và Sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 319/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Bà Phan Tố L, sinh năm: 1990.

Địa chỉ thường trú: 264 T, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ tạm trú: 13.05 Chung cư A, Khu phố 5, phường P, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Phạm Đức H, sinh năm: 1981.

Địa chỉ thường trú: 264 T, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ tạm trú: 13.05 Chung cư A, Khu phố 5, phường P, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 119, Quyền số 01/2010 của Ủy ban nhân dân phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội. ngày 19/11/2010 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Tố L và ông Phạm Đức H là hợp pháp.

Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25/8/2020 có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

Hôn nhân giữa bà Phan Tố L và ông Phạm Đức H là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, tính cách, đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Bà L và ông H đã ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Bà Phan Tố L và ông Phạm Đức H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Phan Tố L và ông Phạm Đức H có hai con chung tên Phạm Bình M, sinh ngày 06/6/2011 và Phạm Minh Q, sinh ngày: 23/10/2013. Bà L và ông H thống nhất giao trẻ Phạm Minh Q cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Phạm Bình M cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L và ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Phan Tố L và ông Phạm Đức H cùng khai không có.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Tố L và ông Phạm Đức H thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 119, Quyền số 01/2010 của Ủy ban nhân dân phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội. ngày 19/11/2010 chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 03/9/2020).

Về con chung: Bà Phan Tố L và ông Phạm Đức H thống nhất giao trẻ Phạm Minh Q, sinh ngày: 23/10/2013 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Phạm Bình M, sinh ngày 06/6/2011 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L và ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phan Tố L và ông Phạm Đức H được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Phan Tố L và ông Phạm Đức H cùng khai không có.

Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Phan Tố L tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà L đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0027875 do Chi cục thi hành án Quận 2 lập ngày 19/8/2020. Bà L đã nộp đủ lệ phí việc dân sự. Ông H không phải chịu lệ phí việc dân sự.

Các đương sự thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 2;
- VKSND Quận 2;
- Ủy ban nhân dân phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Thanh Nga